

TỔNG CÔNG TY THÀNH AN
CÔNG TY CP XL THÀNH AN 96

Số: 224 /TB- CT96

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

06 AUG 2015 Đà Nẵng, ngày 5 tháng 8 năm 2015

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Về việc Công ty ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 với Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam - CPA VIETNAM)



Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Tên đơn vị: Công ty CPXL Thành An 96

Mã số doanh nghiệp : 0400100545

Mã CK : TA9

Địa chỉ : 02 Nguyễn Văn Trỗi – P.Hòa Thuận Đông – Q.Hải Châu – TP.Đà Nẵng.

Điện thoại: 05113. 615333

Fax: 05113.615334

Nội dung thông tin công bố: thông báo về việc Công ty Cổ phần xây lắp Thành An 96 ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 với Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam - CPA VIETNAM theo Hợp đồng kiểm toán số: 130/2016/HĐKT-BCTC/CPA VIETNAM ký ngày 05/08/2015.

Công việc kiểm toán gồm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần xây lắp Thành An 96 cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.
- Giai đoạn 2: Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo: - Bản sao hợp đồng kiểm toán số 130/2016/HĐKT-BCTC/CPA VIETNAM ký ngày 05/08/2015 giữa Công ty CPXL Thành An 96 và Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam - CPA VIETNAM;

Trân trọng kính báo!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TC.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



VÕ CỬU LONG



Số: 130/2016/HĐKT-BCTC/CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2015

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

*Về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96*

Căn cứ Bộ Luật Dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ vào Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán, ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính;

Căn cứ vào thỏa thuận đã được thống nhất giữa Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 và Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) về việc cung cấp dịch vụ Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hợp đồng này được lập tại Hà Nội, bởi và giữa: ("các Bên")

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96

Đại diện là: Ông Hoàng Đức Trúc
Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại: 84. 511. 3615 333
Fax: 84. 511. 3615 334
Địa chỉ: Số 2, Nguyễn Văn Trỗi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Mã số thuế: 0400100545
Tài khoản: 102010000194822
Tên tài khoản: Tại NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96

BÊN B: CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Đại diện là: Ông Vũ Ngọc Ân
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Giấy Ủy quyền số: 03/2014/UQ/CPA VIETNAM ngày 01/3/2014 của Tổng Giám đốc
Điện thoại: 84. 4. 3 783 2121
Fax: 84. 4. 3 783 2122
Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế: 0101505310
Tài khoản ngân hàng: 061 704 07000 3088
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Hà Nội - PGD Hoàng Văn Thái
Tên tài khoản: Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam



Hai Bên thống nhất hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung dịch vụ

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 (bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Công việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Bên A bao gồm 2 giai đoạn:

- **Giai đoạn 1:** Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/6/2015;
- **Giai đoạn 2:** Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Điều 2: Luật định và Chuẩn mực

Dịch vụ kiểm toán được thực hiện phù hợp với các quy định của Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 và các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

Mục tiêu của cuộc soát xét và kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu về Báo cáo tài chính của Bên A được trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét và kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính của Bên A không có các sai sót trọng yếu do sai sót hoặc gian lận. Cuộc kiểm toán không nhằm phát hiện các sai sót và gian lận không mang tính trọng yếu đối với Báo cáo tài chính cũng như không nhằm mục đích cung cấp một sự đảm bảo về hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc phát hiện các vấn đề thiếu sót trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

Công việc soát xét và kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và việc trình bày trên Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính.

Việc đưa ra ý kiến kiểm toán, cũng như việc trình bày ý kiến bằng văn bản của Bên B sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế tại ngày Bên B lập Báo cáo. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc không thể đưa ra ý kiến kiểm toán thì Bên B sẽ thông báo cho Ban Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp).

Điều 3: Trách nhiệm của Bên A và Bên B

Trách nhiệm của Bên A

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;



c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:

- i. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
- ii. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
- iii. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bộ trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban Quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 7 của hợp đồng này..

Trách nhiệm của Bên B

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các Chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.



Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

Bên B phải đảm bảo cung cấp cho Bên A các Báo cáo kiểm toán đã nêu tại Điều 4 của Hợp đồng này.

Điều 4: **Báo cáo kiểm toán.**

Sau khi kết thúc công việc soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 06 bộ Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét bằng tiếng Việt, 06 bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có), đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 06 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, 6 bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có), đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700 - Hình thành ý kiến kiểm toán và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính, các Chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Biên bản soát xét và Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được soát xét và kiểm toán, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Điều 5: **Sửa đổi và diễn giải mang tính hồi tố**

Do luật pháp Việt Nam, kể cả luật thuế chưa được hoàn chỉnh nên có thể cần phải thực hiện một số sửa đổi có tính hồi tố trong các Báo cáo tài chính. Bên B sẽ nỗ lực để thông báo cho Bên A những sửa đổi dự kiến có tính hồi tố khi lập các Báo cáo tài chính, nhưng không đảm bảo là xác định được toàn bộ những thay đổi này. Hơn nữa, kết quả Kiểm toán của Bên B dựa trên các diễn giải của Bên A về các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực, mà các diễn giải này có thể khác với cách diễn giải các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực của các cơ quan đại diện luật pháp hay các cơ quan khác sau đó. Do đó, khả năng phải điều chỉnh có tính hồi tố trong các Báo cáo tài chính trong tương lai là không thể tránh khỏi. Rủi ro này được Bên A xác nhận.

Điều 6: **Kế hoạch thực hiện kiểm toán**

Công việc soát xét và kiểm toán được thực hiện khi có sự thống nhất kế hoạch làm việc giữa hai Bên.

Thời gian hoàn thành công việc soát xét, kiểm toán và phát hành Báo cáo phụ thuộc vào việc cung cấp tài liệu của Bên A và các thoả thuận khác trong quá trình kiểm toán.

Báo cáo kiểm toán sẽ được phát hành sau 05 ngày kể từ khi có ý kiến chấp thuận chính thức của Bên A về Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý dự thảo (nếu có).

Điều 7:

Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

1) Phí dịch vụ

Tổng mức phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại điều 1 là: **370.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi triệu đồng chẵn). Mức phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất 10%.

Mức phí trên được tính toán trên cơ sở trách nhiệm, kinh nghiệm và thời gian cần thiết để thực hiện công việc.

Mức phí trên được tính dựa trên các giả định sau: (1) Bên A cung cấp kịp thời và đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Bên B, (2) không có bất kỳ sự chậm trễ nào trong suốt quá trình Kiểm toán hoặc thay đổi phạm vi Kiểm toán bởi những sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Bên B, (3) hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả trong suốt giai đoạn được Kiểm toán, (4) chỉ phát sinh những điều chỉnh không đáng kể trong quá trình Kiểm toán (được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh), (5) kế hoạch thời gian và khối lượng công việc của Bên B đã được ước tính hợp lý, và (6) Bên A chi trả kịp thời các hoá đơn mà Bên B đã phát hành.

2) Phương thức thanh toán:

Tạm ứng 50% tổng giá trị của Hợp đồng ngay sau khi bắt đầu thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và sau khi nhận được văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B.

Số phí còn lại sẽ được thanh toán ngay khi Bên B giao đầy đủ Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý (nếu có) và hồ sơ Thanh lý hợp đồng.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Nếu Bên A vi phạm điều khoản thanh toán (theo quy định tại điều 7 khoản 2 của Hợp đồng này) cụ thể là chậm thanh toán phí dịch vụ kiểm toán cho Bên B, Bên A sẽ phải chịu khoản lãi suất quá hạn (lãi suất phạt) đối với khoản tiền chậm thanh toán cho Bên B bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán khoản phí chậm trả.

Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Bên B.

Điều 8:

Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác cung cấp ngoài các dịch vụ được nêu tại Điều 1 sẽ được tính riêng. Trong trường hợp Bên A cần Bên B cung cấp dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ Kiểm toán, nội dung các dịch vụ này sẽ được trình bày tại Phụ lục hợp đồng kèm theo. Các dịch vụ không liên quan đến dịch vụ Kiểm toán sẽ được trình bày trong một hợp đồng riêng.

Điều 9:

Các vấn đề về tính độc lập

Liên quan đến cuộc Kiểm toán, Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) và Bên B có vai trò và trách nhiệm trong việc bảo đảm tính độc lập của Bên B. Vì thế, Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) sẽ đảm bảo rằng Bên A có áp dụng các chính sách và các thủ tục nhằm mục đích đảm bảo Bên A sẽ không ký hợp đồng hay chấp thuận bất cứ dịch vụ nào khác từ Bên B mà theo các quy định hiện hành có thể gây ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B. Tất cả các dịch vụ mà Bên A có thể yêu cầu này cần được thảo luận trước với Bên B.

Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) sẽ phối hợp với Bên B nhằm đảm bảo rằng tính độc lập của Bên B không bị ảnh hưởng do Bên A tuyển dụng các Giám đốc, nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B vào các vị trí chủ chốt của Bên A mà có khả năng dẫn đến việc vi phạm các quy định hiện hành về tính độc lập. Việc Bên A tuyển dụng các nhân viên cũ hoặc hiện tại của Bên B cần được thảo luận với Bên B trước khi Bên A tiến hành phỏng vấn tuyển dụng các nhân viên đó



